

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho sinh viên lớp liên thông
trình độ đại học khóa 47 - Ngành Công tác xã hội và lớp Quảng Trị khóa 1 - Ngành
Kế toán, hình thức đào tạo Vừa làm vừa học - Năm 2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 2699/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 2268/NQ-HĐT ngày 27/12/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hình thức chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 12/3/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ các Quyết định số 566/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 18/11/2015, số 1427/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 08/8/2017, số 600/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 15/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1999/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 18/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ các Quyết định số 1881/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 04/11/2021, của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra và tổ chức đánh giá chuẩn đầu ra tiếng Anh và Tin học đối với sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 806/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 10/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hình thức đào tạo Vừa làm vừa học tại Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-ĐHLN ngày 10/01/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy định quản lý văn bằng, chứng chỉ tại Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Biên bản số 328/BB-ĐHLN-ĐT ngày 10/5/2023 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học, hình thức đào tạo Vừa làm vừa học;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo, sau khi có sự nhất trí của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 77 sinh viên lớp liên thông trình độ đại học khóa 47 - Ngành Công tác xã hội và lớp liên thông trình độ đại học Quảng Trị khóa 1 - Ngành Kế toán, hình thức đào tạo Vừa làm vừa học đã hoàn thành chương trình đào tạo, (có danh sách kèm theo), cụ thể:

TT	Ngành	Số tín chỉ	Danh hiệu	Xếp hạng tốt nghiệp				Số sinh viên
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	
1	Công tác xã hội	128	Cử nhân	2	11	26	0	39
2	Kế toán	130	Cử nhân	1	12	25	0	38
	Tổng cộng:			3	23	51	0	77
	Tỷ lệ:			3,90	29,87	66,23	0	100

Điều 2. Các sinh viên có tên trong danh sách được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học tại Điều 1 được hưởng mọi quyền và nghĩa vụ do Nhà nước quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường phòng Đào tạo, Trường các đơn vị liên quan thuộc Trường và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT, Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hiệu trưởng;
- PHTr. Phạm Minh Toại;
- Lưu: VT, ĐT.



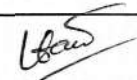
HIỆU TRƯỞNG *zls*

GS.TS. Phạm Văn Điền

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC LỚP LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
KHÓA 47 - NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VÀ LỚP QUẢN TRỊ KHÓA 1 - NGÀNH KẾ TOÁN, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỮA LÀM VỮA HỌC - NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số: 616/QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 10/5/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Giới tính	Khối kiến thức ngành			Khối kiến thức chuẩn đầu ra		Danh hiệu	Ghi chú
								Số TCTL	Điểm TBCTL hệ 4	Hạng tốt nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ		
1. Ngành Công tác xã hội: 39 sinh viên														
1	2047762847	Chu Huệ Quyên	22/02/1989	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nữ	130	3,60	Xuất sắc	Đạt	465	Cử nhân	QĐ số 360/QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 30/3/2023
2	2047762840	Nông Thị Trang	20/11/1987	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nữ	130	3,63	Xuất sắc	Đạt	465	Cử nhân	QĐ số 360/QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 30/3/2023
3	2047762876	Đào Thị Dược	03/11/1989	Bắc Giang	Tày	Việt Nam	Nữ	130	3,41	Giỏi	7,2	575	Cử nhân	
4	2047762865	Bùi Thị Hiên	28/02/1977	Hà Giang	Kinh	Việt Nam	Nữ	134	3,47	Giỏi	6,8	475	Cử nhân	
5	2047762870	Hà Vũ Hoàn	03/02/1981	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Nam	132	3,21	Giỏi	8,2	460	Cử nhân	
6	2047762832	Hứa Thị Hôn	03/02/1985	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nữ	132	3,34	Giỏi	8,2	450	Cử nhân	
7	2047762848	Dương Thị Lâm	23/08/1981	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nữ	134	3,47	Giỏi	7,4	570	Cử nhân	
8	2047762837	Nguyễn Thị Nhài	05/10/1989	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nữ	132	3,49	Giỏi	8,4	475	Cử nhân	
9	2047762869	Tổng Thị Nhường	17/09/1975	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nữ	133	3,29	Giỏi	6,4	515	Cử nhân	
10	2047762843	Trần Nam Sang	27/08/1985	Thái Nguyên	Nùng	Việt Nam	Nam	132	3,21	Giỏi	6,8	450	Cử nhân	
11	2047762834	Lưu Thị Thùy	30/04/1978	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nữ	132	3,36	Giỏi	5,6	450	Cử nhân	
12	2047762849	La Thị Thùy	15/08/1989	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nữ	134	3,20	Giỏi	6,6	470	Cử nhân	
13	2047762836	Ma Thị Trang	15/03/1988	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nữ	130	3,35	Giỏi	6,2	465	Cử nhân	
14	2047762835	Lại Tiến Biên	06/02/1988	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	130	2,91	Khá	7,2	455	Cử nhân	
15	2047762831	Dương Văn Bính	03/12/1976	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	132	2,74	Khá	5,0	450	Cử nhân	
16	2047762845	Trần Thanh Công	26/07/1981	Thái Nguyên	Sán Chay	Việt Nam	Nam	130	2,64	Khá	8,0	450	Cử nhân	



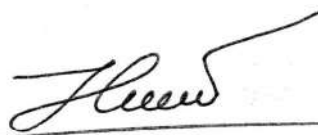
STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Giới tính	Khối kiến thức ngành			Khối kiến thức chuẩn đầu ra		Danh hiệu	Ghi chú
								Số TCTL	Điểm TBCTL hệ 4	Hạng tốt nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ		
17	2047762873	Phạm Văn Cường	21/07/1968	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Nam	132	2,64	Khá	5,0	450	Cử nhân	
18	2047762839	Nguyễn Văn Duy	10/03/1972	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	132	2,97	Khá	5,4	450	Cử nhân	
19	2047762872	Nguyễn Thị Anh Đào	30/04/1985	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Nữ	133	3,16	Khá	8,2	510	Cử nhân	
20	2047762860	Lê Văn Hiến	18/04/1987	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nam	133	2,75	Khá	6,0	460	Cử nhân	
21	2047762874	Hà Như Họa	01/11/1965	Bắc Kạn	Tày	Việt Nam	Nam	133	2,92	Khá	6,4	535	Cử nhân	
22	2047762850	Lê Văn Hoan	21/01/1971	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	135	3,03	Khá	5,0	615	Cử nhân	
23	2047762855	Nguyễn Văn Hưng	02/10/1977	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nam	132	3,00	Khá	7,8	450	Cử nhân	
24	2047762875	Nguyễn Văn Khiêm	04/03/1981	Bắc Kạn	Kinh	Việt Nam	Nam	133	3,02	Khá	7,2	515	Cử nhân	
25	2047762830	Dương Trung Kiên	08/09/1989	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nam	135	3,02	Khá	8,2	450	Cử nhân	
26	2047762859	Tạ Văn Kiên	29/09/1978	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	135	2,84	Khá	8,0	605	Cử nhân	
27	2047762871	Mùa A Lệnh	08/08/1979	Yên Bái	Mông	Việt Nam	Nam	132	2,77	Khá	5,0	545	Cử nhân	
28	2047762853	Nguyễn Huy Long	04/08/1982	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	135	2,95	Khá	6,6	480	Cử nhân	
29	2047762862	Lương Văn Lộc	26/01/1990	Thái Nguyên	Sán Chi	Việt Nam	Nam	132	2,99	Khá	7,8	450	Cử nhân	
30	2047762841	Nông Văn Lợi	07/01/1986	Thái Nguyên	Nùng	Việt Nam	Nam	130	3,15	Khá	7,4	450	Cử nhân	
31	2047762846	Bùi Văn Ngư	10/11/1970	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	132	3,11	Khá	5,2	620	Cử nhân	
32	2047762854	Nguyễn Văn Quỳnh	09/01/1972	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nam	132	2,74	Khá	5,6	450	Cử nhân	
33	2047762851	Mai Doãn Tăng	05/12/1978	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nam	134	2,89	Khá	7,0	455	Cử nhân	
34	2047762857	Nông Đình Thiết	25/01/1983	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nam	130	2,78	Khá	5,6	450	Cử nhân	
35	2047762856	Nguyễn Văn Tuấn	14/09/1983	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	130	2,96	Khá	5,0	450	Cử nhân	
36	2047762858	Triệu Văn Tuấn	04/10/1978	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nam	132	2,88	Khá	6,8	525	Cử nhân	
37	2047762844	Trần Thanh Tùng	01/08/1989	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	130	3,02	Khá	7,0	450	Cử nhân	
38	2047762842	Phạm Đình Tuyên	05/09/1978	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	132	2,83	Khá	6,2	450	Cử nhân	
39	2047762833	La Văn Vạn	26/06/1990	Thái Nguyên	Sán Chi	Việt Nam	Nam	130	2,81	Khá	7,0	455	Cử nhân	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Giới tính	Khối kiến thức ngành			Khối kiến thức chuẩn đầu ra		Danh hiệu	Ghi chú
								Số TCTL	Điểm TBCTL hệ 4	Hạng tốt nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ		
2. Ngành Kế toán: 38 sinh viên														
1	2044042869	Văn Thị My Nương	20/12/1992	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	132	3,61	Xuất sắc	9,2	675	Cử nhân	
2	2044042901	Trần Thùy Hoài An	18/10/1991	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	134	3,29	Giỏi	8,0	665	Cử nhân	
3	2044042859	Trần Thị Mỹ Dung	12/10/1989	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	140	3,46	Giỏi	7,6	595	Cử nhân	
4	2044042865	Lê Thị Thu Duyên	30/12/1993	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	134	3,29	Giỏi	7,2	635	Cử nhân	
5	2044042874	Lê Quỳnh Giao	05/07/1980	Thừa Thiên Huế	Kinh	Việt Nam	Nữ	142	3,43	Giỏi	7,2	Đạt	Cử nhân	QĐ số 302/QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 21/3/2023
6	2044042857	Trần Diệu Hằng	01/01/1997	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	132	3,34	Giỏi	6,8	530	Cử nhân	
7	2044042890	Đào Thị Liễu	07/11/1980	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	139	3,21	Giỏi	7,8	670	Cử nhân	
8	2044042847	Phạm Thị Mỹ Linh	25/07/1991	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	134	3,31	Giỏi	7,8	670	Cử nhân	
9	2044042891	Võ Thị Phương Linh	27/08/1994	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	137	3,28	Giỏi	Đạt	525	Cử nhân	QĐ số 302/QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 21/3/2023
10	2044042861	Lê Thị Thu Thảo	20/09/1993	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	136	3,32	Giỏi	9,4	525	Cử nhân	
11	2044042870	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	05/01/1995	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	142	3,30	Giỏi	7,6	630	Cử nhân	
12	2044042852	Vũ Quang Trương	13/08/1973	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Nam	137	3,53	Giỏi	8,0	565	Cử nhân	
13	2044042851	Uông Thị Vinh	02/04/1984	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Nữ	133	3,36	Giỏi	9,2	710	Cử nhân	
14	2044042838	Nguyễn Thị Biên	22/03/1986	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	140	3,12	Khá	8,2	530	Cử nhân	
15	2044042868	Phạm Tài Chánh	07/09/1968	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	135	3,00	Khá	7,6	615	Cử nhân	
16	2044042871	Bùi Thị Thanh Cung	12/12/1983	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	135	3,15	Khá	7,8	605	Cử nhân	
17	2044042856	Nguyễn Văn Cường	06/09/1990	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	134	3,12	Khá	7,6	575	Cử nhân	
18	2044042900	Nguyễn Thị Thùy Dung	09/08/1981	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	135	2,85	Khá	8,0	650	Cử nhân	
19	2044042902	Trần Thị Việt Hà	15/09/1984	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	135	3,01	Khá	8,0	575	Cử nhân	
20	2044042829	Dương Thị Hằng	22/04/1982	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Nữ	135	2,89	Khá	7,8	605	Cử nhân	
21	2044042862	Hoàng Thị Thúy Hằng	14/07/1977	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	143	3,06	Khá	7,8	550	Cử nhân	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Giới tính	Khối kiến thức ngành			Khối kiến thức chuẩn đầu ra		Danh hiệu	Ghi chú
								Số TCTL	Điểm TBCTL hệ 4	Hạng tốt nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ		
22	2044042853	Bùi Thị Hiền	06/07/1988	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	133	3,14	Khá	9,4	505	Cử nhân	
23	2044042867	Nguyễn Đức Hiền	02/10/1990	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	140	2,85	Khá	9,4	490	Cử nhân	
24	2044042830	Dương Thị Minh Hòa	11/07/1978	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	134	3,16	Khá	7,6	600	Cử nhân	
25	2044042887	Trương Văn Hòa	02/07/1970	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	133	2,77	Khá	6,8	610	Cử nhân	
26	2044042885	Nguyễn Đức Hùng	04/02/1988	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	136	2,68	Khá	8,2	675	Cử nhân	
27	2044042879	Lê Văn Huých	11/04/1979	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	137	2,91	Khá	7,8	665	Cử nhân	
28	2044042894	Văn Thị Thùy Linh	20/05/1991	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	139	2,95	Khá	7,8	610	Cử nhân	
29	2044042834	Lê Thị Hiền Lương	25/07/1984	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	135	3,19	Khá	6,2	630	Cử nhân	
30	2044042863	Lê Thị Ly Na	27/04/1997	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	133	3,11	Khá	6,8	580	Cử nhân	
31	2044042897	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	16/08/1985	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	134	3,19	Khá	7,0	650	Cử nhân	
32	2044042844	Nguyễn Văn Quảng	07/06/1982	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	133	3,14	Khá	8,0	520	Cử nhân	
33	2044042898	Lê Ngọc Sơn	15/08/1965	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	134	3,09	Khá	7,2	620	Cử nhân	
34	2044042860	Văn Thị Hoài Sương	22/06/1991	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	133	3,09	Khá	7,8	605	Cử nhân	
35	2044042849	Trần Thị Thanh Thúy	23/09/1976	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	135	3,01	Khá	8,2	485	Cử nhân	
36	2044042903	Đặng Thị Khánh Vân	21/06/1993	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	134	3,19	Khá	8,0	630	Cử nhân	
37	2044042896	Nguyễn Hữu Vinh	09/01/1981	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	133	3,11	Khá	7,2	635	Cử nhân	
38	2044042855	Lê Thị Hải Yến	10/01/1983	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	135	3,09	Khá	7,6	615	Cử nhân	

Tổng số sinh viên có tên trong danh sách: 77 sinh viên./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PGS.TS. Hà Văn Huân

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Phạm Văn Điền

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

**V/v. Họp xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
lớp liên thông trình độ đại học, hình thức đào tạo Vừa làm vừa học - Năm 2023**

1. Thời gian: Thứ tư, 08h30' ngày 10 tháng 5 năm 2023.

2. Địa điểm: Phòng họp A - Trường Đại học Lâm nghiệp.

3. Thành phần tham dự cuộc họp: Hội đồng xét tốt nghiệp đại học theo Quyết định số 53/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp;

- Tổng số: 15 đồng chí

+ Có mặt: 13 đồng chí

+ Vắng mặt: 02 đồng chí có lý do bận công việc (đồng chí: Phạm Văn Tinh và đồng chí Bùi Văn Thắng)

4. Chủ trì và thư ký Hội đồng:

- Chủ trì: GS.TS. Phạm Văn Điền - Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng

- Thư ký: PGS.TS. Hà Văn Huân - Trưởng phòng Đào tạo - Ủy viên thường trực Hội đồng.

5. Nội dung:

- Họp xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho sinh viên lớp liên thông trình độ đại học khóa 47 - Ngành Công tác xã hội và lớp liên thông trình độ đại học Quảng Trị khóa 1 - Ngành Kế toán, hình thức đào tạo Vừa làm vừa học;

- Đơn vị thường trực Hội đồng thông qua các văn bản pháp quy liên quan đến việc xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho sinh viên;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hình thức chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 12/3/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ các Quyết định số 566/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 18/11/2015, số 1427/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 08/8/2017, số 600/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 15/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1999/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 18/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ các Quyết định số 1881/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 04/11/2021, của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra và tổ chức đánh giá chuẩn đầu ra tiếng Anh và Tin học đối với sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 806/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 10/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hình thức đào tạo Vừa làm vừa học tại Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-ĐHLN ngày 10/01/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy định quản lý văn bằng, chứng chỉ tại Trường Đại học Lâm nghiệp;

Điều kiện xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho sinh viên Theo khoản 1 Điều 27 Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hình thức chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Phòng Đào tạo báo cáo về tình hình học tập và kết quả tích lũy của 77 sinh viên trước Hội đồng;

- Hội đồng đã thông qua kết quả học tập và rèn luyện của 77 sinh viên theo danh sách dự kiến và nhất trí đề nghị Chủ tịch Hội đồng công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho sinh viên trên;

6. Kết luận:

Sau khi nghe báo cáo của Phòng Đào tạo về danh sách sinh viên đề nghị xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho sinh viên lớp liên thông trình độ đại học khóa 47 - Ngành Công tác xã hội và lớp liên thông trình độ đại học Quảng Trị khóa 1 - Ngành Kế toán, hình thức đào tạo Vừa làm vừa học. Hội đồng đã thống nhất kết luận như sau:

1. Quy trình xét công nhận cho sinh viên theo danh sách đã được thực hiện theo đúng quy chế và quy định. Nguồn dữ liệu được tổng hợp trên căn cứ kế hoạch đào tạo toàn khóa của các chương trình đào tạo và kết quả thực hiện kế hoạch của sinh viên (dữ liệu đã được gửi đến các đơn vị liên quan và người học phản hồi);

2. Hội đồng thống nhất với báo cáo của Phòng Đào tạo về quá trình học tập và kết quả học tập của sinh viên lớp liên thông trình độ đại học, hình thức đào tạo Vừa làm vừa học;

3. a) Hội đồng nhất trí thông qua kết quả tích lũy, xếp hạng tốt nghiệp của 77 sinh viên theo danh sách, đề nghị Hiệu trưởng ban hành Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học, hình thức đào tạo Vừa làm vừa học cho 77 sinh viên (danh sách kèm theo), cụ thể:

TT	Ngành	Số tín chỉ	Danh hiệu	Xếp hạng tốt nghiệp				Số sinh viên
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	
1	Công tác xã hội	128	Cử nhân	2	11	26	0	39
2	Kế toán	130	Cử nhân	1	12	25	0	38
	Tổng cộng:			3	23	51	0	77
	Tỷ lệ:			3,90	29,87	66,23	0	100

b) Không công nhận tốt nghiệp cho 05 sinh viên vì chưa hoàn thành chương trình đào tạo, trong đó:

- + Ngành Công tác xã hội: 02 sinh viên;
- + Ngành Kế toán: 03 sinh viên

4. Giao Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thiện các hồ sơ cần thiết để trình Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 77 sinh viên, hình thức đào tạo Vừa làm vừa học nêu trên.

Cuộc họp kết thúc hồi 09h50 cùng ngày./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PGS.TS. Hà Văn Huân

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Phạm Văn Điền

Nơi nhận:

- Hội đồng xét tốt nghiệp;
- PHTr. Phạm Minh Toại;
- Lưu: ĐT.

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC LỚP LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC KHÓA 47 - NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VÀ LỚP QUẢN TRỊ KHÓA 1 - NGÀNH KẾ TOÁN, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỮA LÀM VỮA HỌC

(Kèm theo Biên bản số 328/BB-DHLN-ĐT ngày 10/5/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Giới tính	Khối kiến thức ngành			Khối kiến thức chuẩn đầu ra		Danh hiệu	Ghi chú
								Số TCTL	Điểm TBCTL hệ 4	Hạng tốt nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ		
1. Ngành Công tác xã hội: 39 sinh viên														
1	2047762847	Chu Huệ Quyên	22/02/1989	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nữ	130	3,60	Xuất sắc	Đạt	465	Cử nhân	QĐ số 360/QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 30/3/2023
2	2047762840	Nông Thị Trang	20/11/1987	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nữ	130	3,63	Xuất sắc	Đạt	465	Cử nhân	QĐ số 360/QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 30/3/2023
3	2047762876	Đào Thị Dực	03/11/1989	Bắc Giang	Tày	Việt Nam	Nữ	130	3,41	Giỏi	7,2	575	Cử nhân	
4	2047762865	Bùi Thị Hiên	28/02/1977	Hà Giang	Kinh	Việt Nam	Nữ	134	3,47	Giỏi	6,8	475	Cử nhân	
5	2047762870	Hà Vũ Hoàn	03/02/1981	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Nam	132	3,21	Giỏi	8,2	460	Cử nhân	
6	2047762832	Hứa Thị Hôn	03/02/1985	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nữ	132	3,34	Giỏi	8,2	450	Cử nhân	
7	2047762848	Dương Thị Lâm	23/08/1981	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nữ	134	3,47	Giỏi	7,4	570	Cử nhân	
8	2047762837	Nguyễn Thị Nhài	05/10/1989	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nữ	132	3,49	Giỏi	8,4	475	Cử nhân	
9	2047762869	Tổng Thị Nhường	17/09/1975	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nữ	133	3,29	Giỏi	6,4	515	Cử nhân	
10	2047762843	Trần Nam Sang	27/08/1985	Thái Nguyên	Nùng	Việt Nam	Nam	132	3,21	Giỏi	6,8	450	Cử nhân	
11	2047762834	Lưu Thị Thùy	30/04/1978	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nữ	132	3,36	Giỏi	5,6	450	Cử nhân	
12	2047762849	La Thị Thủy	15/08/1989	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nữ	134	3,20	Giỏi	6,6	470	Cử nhân	
13	2047762836	Ma Thị Trang	15/03/1988	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nữ	130	3,35	Giỏi	6,2	465	Cử nhân	
14	2047762835	Lại Tiến Biên	06/02/1988	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	130	2,91	Khá	7,2	455	Cử nhân	
15	2047762831	Dương Văn Bính	03/12/1976	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	132	2,74	Khá	5,0	450	Cử nhân	
16	2047762845	Trần Thanh Công	26/07/1981	Thái Nguyên	Sán Chay	Việt Nam	Nam	130	2,64	Khá	8,0	450	Cử nhân	

Chữ ký

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Giới tính	Khối kiến thức ngành			Khối kiến thức chuẩn đầu ra		Danh hiệu	Ghi chú
								Số TCTL	Điểm TBCTL hệ 4	Hạng tốt nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ		
17	2047762873	Phạm Văn Cường	21/07/1968	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Nam	132	2,64	Khá	5,0	450	Cử nhân	
18	2047762839	Nguyễn Văn Duy	10/03/1972	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	132	2,97	Khá	5,4	450	Cử nhân	
19	2047762872	Nguyễn Thị Anh Đào	30/04/1985	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Nữ	133	3,16	Khá	8,2	510	Cử nhân	
20	2047762860	Lê Văn Hiến	18/04/1987	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nam	133	2,75	Khá	6,0	460	Cử nhân	
21	2047762874	Hà Như Hòa	01/11/1965	Bắc Kạn	Tày	Việt Nam	Nam	133	2,92	Khá	6,4	535	Cử nhân	
22	2047762850	Lê Văn Hoan	21/01/1971	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	135	3,03	Khá	5,0	615	Cử nhân	
23	2047762855	Nguyễn Văn Hưng	02/10/1977	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nam	132	3,00	Khá	7,8	450	Cử nhân	
24	2047762875	Nguyễn Văn Khiêm	04/03/1981	Bắc Kạn	Kinh	Việt Nam	Nam	133	3,02	Khá	7,2	515	Cử nhân	
25	2047762830	Dương Trung Kiên	08/09/1989	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nam	135	3,02	Khá	8,2	450	Cử nhân	
26	2047762859	Tạ Văn Kiên	29/09/1978	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	135	2,84	Khá	8,0	605	Cử nhân	
27	2047762871	Mùa A Lành	08/08/1979	Yên Bái	Mông	Việt Nam	Nam	132	2,77	Khá	5,0	545	Cử nhân	
28	2047762853	Nguyễn Huy Long	04/08/1982	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	135	2,95	Khá	6,6	480	Cử nhân	
29	2047762862	Lường Văn Lộc	26/01/1990	Thái Nguyên	Sán Chi	Việt Nam	Nam	132	2,99	Khá	7,8	450	Cử nhân	
30	2047762841	Nông Văn Lợi	07/01/1986	Thái Nguyên	Nùng	Việt Nam	Nam	130	3,15	Khá	7,4	450	Cử nhân	
31	2047762846	Bùi Văn Ngự	10/11/1970	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	132	3,11	Khá	5,2	620	Cử nhân	
32	2047762854	Nguyễn Văn Quỳnh	09/01/1972	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nam	132	2,74	Khá	5,6	450	Cử nhân	
33	2047762851	Mai Doãn Tăng	05/12/1978	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nam	134	2,89	Khá	7,0	455	Cử nhân	
34	2047762857	Nông Đình Thiết	25/01/1983	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nam	130	2,78	Khá	5,6	450	Cử nhân	
35	2047762856	Nguyễn Văn Tuấn	14/09/1983	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	130	2,96	Khá	5,0	450	Cử nhân	
36	2047762858	Triệu Văn Tuấn	04/10/1978	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nam	132	2,88	Khá	6,8	525	Cử nhân	
37	2047762844	Trần Thanh Tùng	01/08/1989	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	130	3,02	Khá	7,0	450	Cử nhân	
38	2047762842	Phạm Đình Tuyên	05/09/1978	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Nam	132	2,83	Khá	6,2	450	Cử nhân	
39	2047762833	La Văn Vạn	26/06/1990	Thái Nguyên	Sán Chi	Việt Nam	Nam	130	2,81	Khá	7,0	455	Cử nhân	

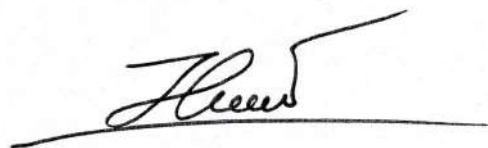
ltas

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Giới tính	Khối kiến thức ngành			Khối kiến thức chuẩn đầu ra		Danh hiệu	Ghi chú
									Số TCTL	Điểm TBCTL hệ 4	Hạng tốt nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ		
2. Ngành Kế toán: 38 sinh viên															
1	2044042869	Văn Thị My	Nương	20/12/1992	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	132	3,61	Xuất sắc	9,2	675	Cử nhân	
2	2044042901	Trần Thùy Hoài An		18/10/1991	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	134	3,29	Giỏi	8,0	665	Cử nhân	
3	2044042859	Trần Thị Mỹ	Dung	12/10/1989	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	140	3,46	Giỏi	7,6	595	Cử nhân	
4	2044042865	Lê Thị Thu	Duyên	30/12/1993	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	134	3,29	Giỏi	7,2	635	Cử nhân	
5	2044042874	Lê Quỳnh	Giao	05/07/1980	Thừa Thiên Huế	Kinh	Việt Nam	Nữ	142	3,43	Giỏi	7,2	Đạt	Cử nhân	QĐ số 302/QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 21/3/2023
6	2044042857	Trần Diệu	Hằng	01/01/1997	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	132	3,34	Giỏi	6,8	530	Cử nhân	
7	2044042890	Đào Thị	Liễu	07/11/1980	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	139	3,21	Giỏi	7,8	670	Cử nhân	
8	2044042847	Phạm Thị Mỹ	Linh	25/07/1991	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	134	3,31	Giỏi	7,8	670	Cử nhân	
9	2044042891	Võ Thị Phương	Linh	27/08/1994	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	137	3,28	Giỏi	Đạt	525	Cử nhân	QĐ số 302/QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 21/3/2023
10	2044042861	Lê Thị Thu	Thảo	20/09/1993	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	136	3,32	Giỏi	9,4	525	Cử nhân	
11	2044042870	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	05/01/1995	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	142	3,30	Giỏi	7,6	630	Cử nhân	
12	2044042852	Vũ Quang	Trương	13/08/1973	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Nam	137	3,53	Giỏi	8,0	565	Cử nhân	
13	2044042851	Uông Thị	Vinh	02/04/1984	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Nữ	133	3,36	Giỏi	9,2	710	Cử nhân	
14	2044042838	Nguyễn Thị	Biên	22/03/1986	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	140	3,12	Khá	8,2	530	Cử nhân	
15	2044042868	Phạm Tài	Chánh	07/09/1968	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	135	3,00	Khá	7,6	615	Cử nhân	
16	2044042871	Bùi Thị Thanh	Cung	12/12/1983	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	135	3,15	Khá	7,8	605	Cử nhân	
17	2044042856	Nguyễn Văn	Cường	06/09/1990	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	134	3,12	Khá	7,6	575	Cử nhân	
18	2044042900	Nguyễn Thị Thùy	Dung	09/08/1981	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	135	2,85	Khá	8,0	650	Cử nhân	
19	2044042902	Trần Thị Việt	Hà	15/09/1984	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	135	3,01	Khá	8,0	575	Cử nhân	
20	2044042829	Dương Thị	Hằng	22/04/1982	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Nữ	135	2,89	Khá	7,8	605	Cử nhân	
21	2044042862	Hoàng Thị Thúy	Hằng	14/07/1977	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	143	3,06	Khá	7,8	550	Cử nhân	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Giới tính	Khối kiến thức ngành			Khối kiến thức chuẩn đầu ra		Danh hiệu	Ghi chú
								Số TCTL	Điểm TBCTL hệ 4	Hạng tốt nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ		
22	2044042853	Bùi Thị Hiền	06/07/1988	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	133	3,14	Khá	9,4	505	Cử nhân	
23	2044042867	Nguyễn Đức Hiền	02/10/1990	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	140	2,85	Khá	9,4	490	Cử nhân	
24	2044042830	Dương Thị Minh Hòa	11/07/1978	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	134	3,16	Khá	7,6	600	Cử nhân	
25	2044042887	Trương Văn Hòa	02/07/1970	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	133	2,77	Khá	6,8	610	Cử nhân	
26	2044042885	Nguyễn Đức Hùng	04/02/1988	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	136	2,68	Khá	8,2	675	Cử nhân	
27	2044042879	Lê Văn Huých	11/04/1979	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	137	2,91	Khá	7,8	665	Cử nhân	
28	2044042894	Văn Thị Thùy Linh	20/05/1991	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	139	2,95	Khá	7,8	610	Cử nhân	
29	2044042834	Lê Thị Hiền Lương	25/07/1984	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	135	3,19	Khá	6,2	630	Cử nhân	
30	2044042863	Lê Thị Ly Na	27/04/1997	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	133	3,11	Khá	6,8	580	Cử nhân	
31	2044042897	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	16/08/1985	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	134	3,19	Khá	7,0	650	Cử nhân	
32	2044042844	Nguyễn Văn Quảng	07/06/1982	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	133	3,14	Khá	8,0	520	Cử nhân	
33	2044042898	Lê Ngọc Sơn	15/08/1965	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	134	3,09	Khá	7,2	620	Cử nhân	
34	2044042860	Văn Thị Hoài Sương	22/06/1991	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	133	3,09	Khá	7,8	605	Cử nhân	
35	2044042849	Trần Thị Thanh Thúy	23/09/1976	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	135	3,01	Khá	8,2	485	Cử nhân	
36	2044042903	Đặng Thị Khánh Vân	21/06/1993	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	134	3,19	Khá	8,0	630	Cử nhân	
37	2044042896	Nguyễn Hữu Vinh	09/01/1981	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	133	3,11	Khá	7,2	635	Cử nhân	
38	2044042855	Lê Thị Hải Yến	10/01/1983	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	135	3,09	Khá	7,6	615	Cử nhân	

Tổng số sinh viên có tên trong danh sách: 77 sinh viên./

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PGS.TS. Hà Văn Huân

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Phạm Văn Điền

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC LỚP LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
KHÓA 47 - NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VÀ LỚP QUẢN TRỊ KHÓA 1 - NGÀNH KẾ TOÁN, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC - NĂM 2023**
(Kèm theo Biên bản số 328/BB-ĐHLN-ĐT ngày 10/5/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Giới tính	Chưa đạt kết quả học tập	Ghi chú
1. Ngành Công tác xã hội: 02 sinh viên									
1	2047762861	Lý Văn Bắc	17/02/1986	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Nam	Nợ môn Thực hành công tác xã hội 2	
2	2047762852	Nguyễn Hoàng Đông	22/08/1993	Thái Nguyên	Nùng	Việt Nam	Nam	Nợ môn Kỹ năng giao tiếp cơ bản, Phương pháp nghiên cứu KTXH, Giáo dục thể chất HP2, Giáo dục thể chất HP3	
2. Ngành Kế toán: 03 sinh viên									
1	2044042884	Nguyễn Đức Cảnh	06/04/1985	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	Nợ môn Kế toán quản trị, Quản trị kinh doanh 1, Pháp luật đại cương, Tài chính tiền tệ	
2	2044042850	Trần Văn Khánh	12/09/1982	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nam	Nợ môn Thanh toán quốc tế	
3	2044042872	Cao Thị Ánh Tuyết	22/10/1982	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Nữ	Nợ môn Thanh toán quốc tế, Chuyên đề tổng hợp LLCT, Khóa luận tốt nghiệp	

Tổng số sinh viên có tên trong danh sách: 05 sinh viên./.

THỦ KÝ HỘI ĐỒNG



TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PGS.TS. Hà Văn Huân

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Phạm Văn Điền